|  |
| --- |
| Môn học phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại – Bộ môn hệ thống thông tin – khoa công nghệ thông tin – trường đại học khoa học tự nhiên |
| Thiết kế chi tiết chức năng hệ thống |
| **Quản Lý Khách Sạn** |
|  |
| **Biên soạn: Tú Phạm** |
| **9/9/2017** |

1. Tham chiếu

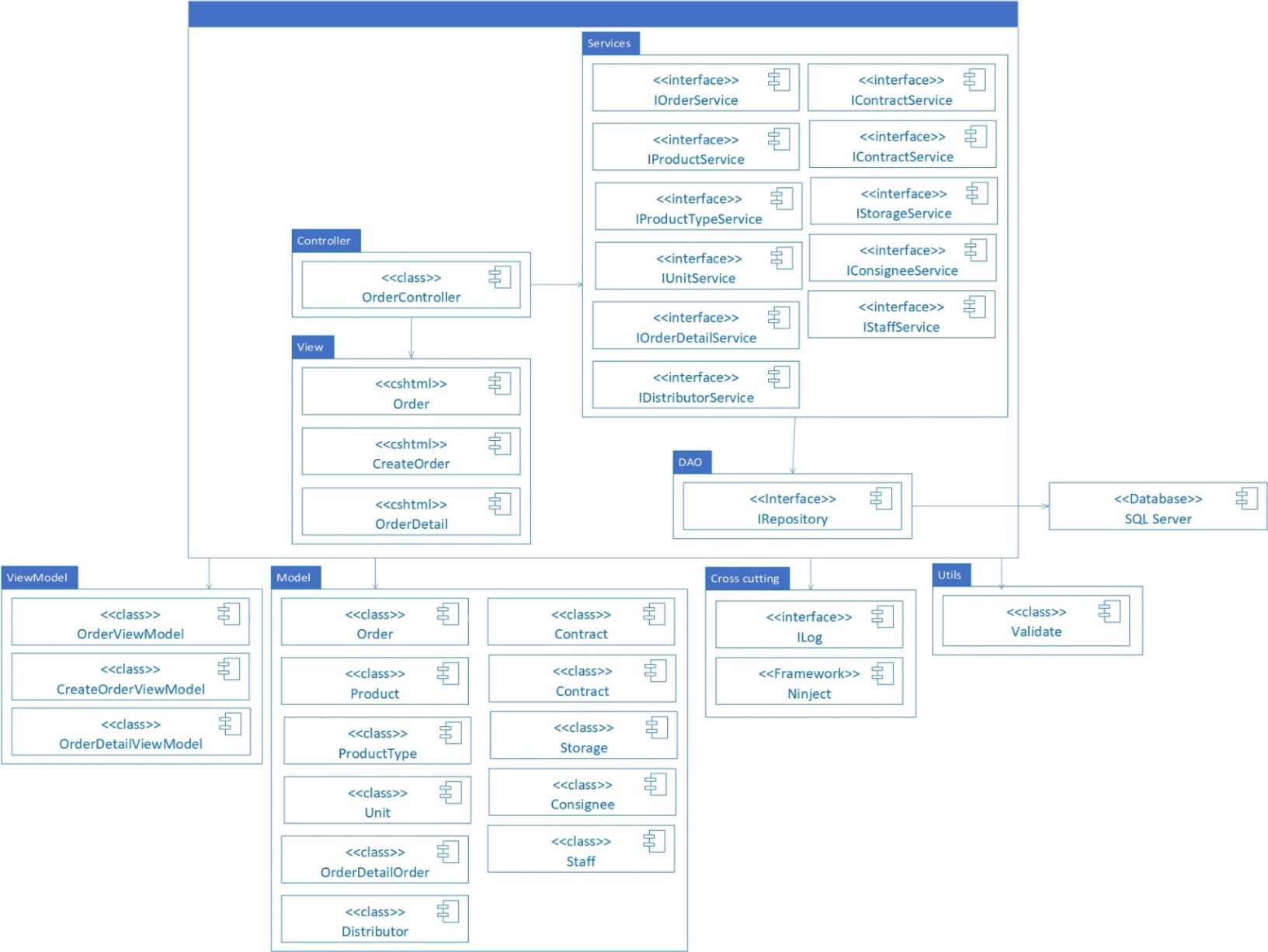
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Phiên bản |
| [BRS-2] | [BRS-02] KhaoSatHeThongNPP | 1.1 |
| SRS-1.1 | [SRS-1.1] [Save\_My\_Life] [QuanLiNPP] | 1.1 |
| FRA-01 | [FRA][SaveMyLife]QuanLiNhaPhanPhoi | 1.0 |
| FD-01 | [FD] [SaveMyLife]QuanLiNhaPhanPhoi | 1.0 |

1. Thông tin tài liệu

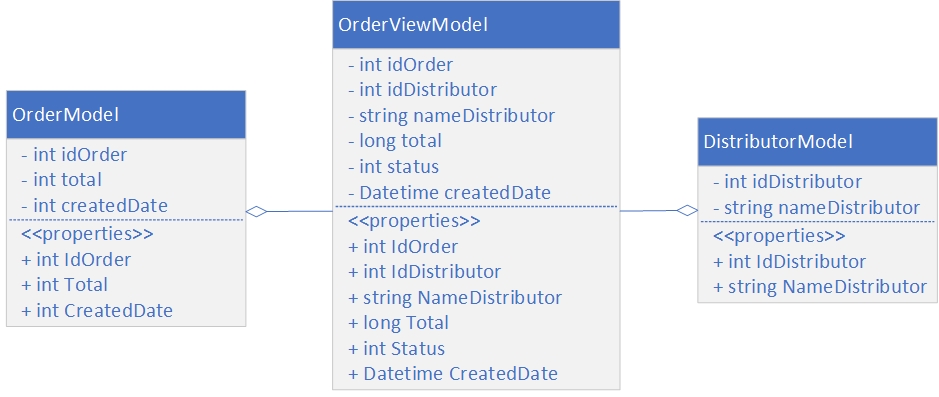
|  |
| --- |
|  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| DD-01 | Thiết kế chi tiết | Khởi tạo | 1.0 | Save My Life | Thiết kế chi tiết các chức năng hệ thống quản lý nhà phân phối. |

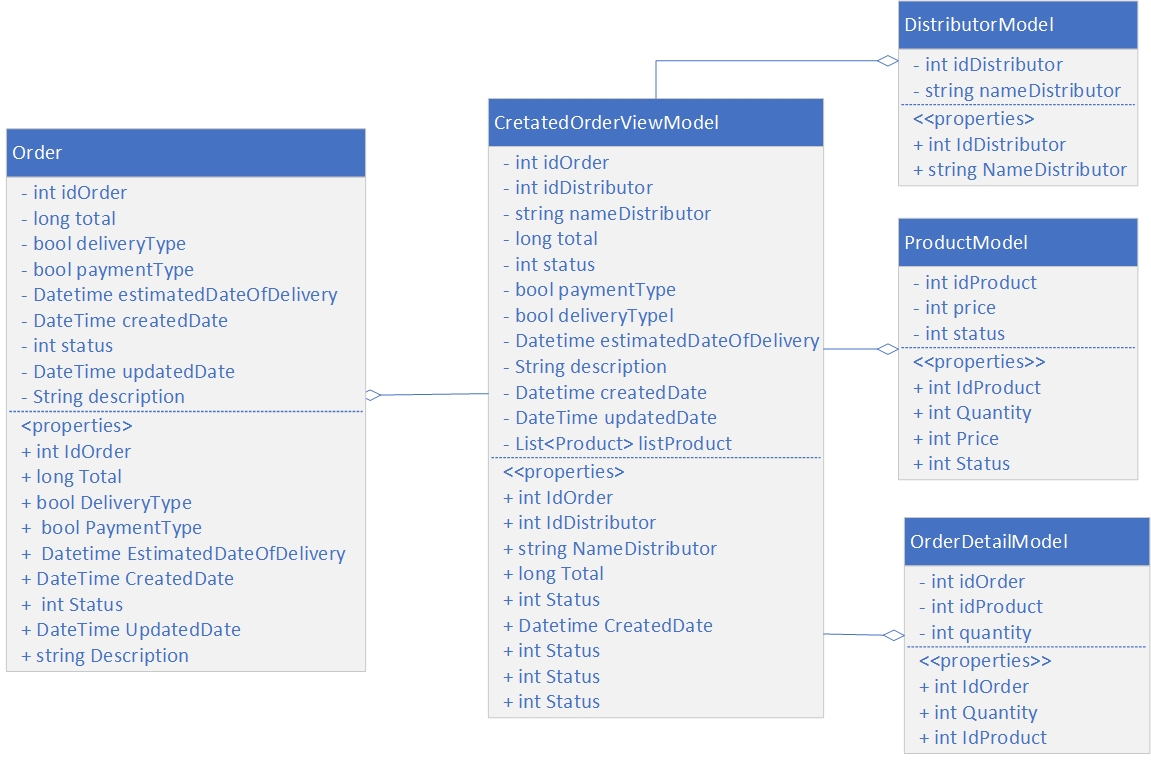
1. Kiến trúc hệ thống
   1. **Quản lý Đặt hàng**
      1. Sơ đồ lớp hệ thống



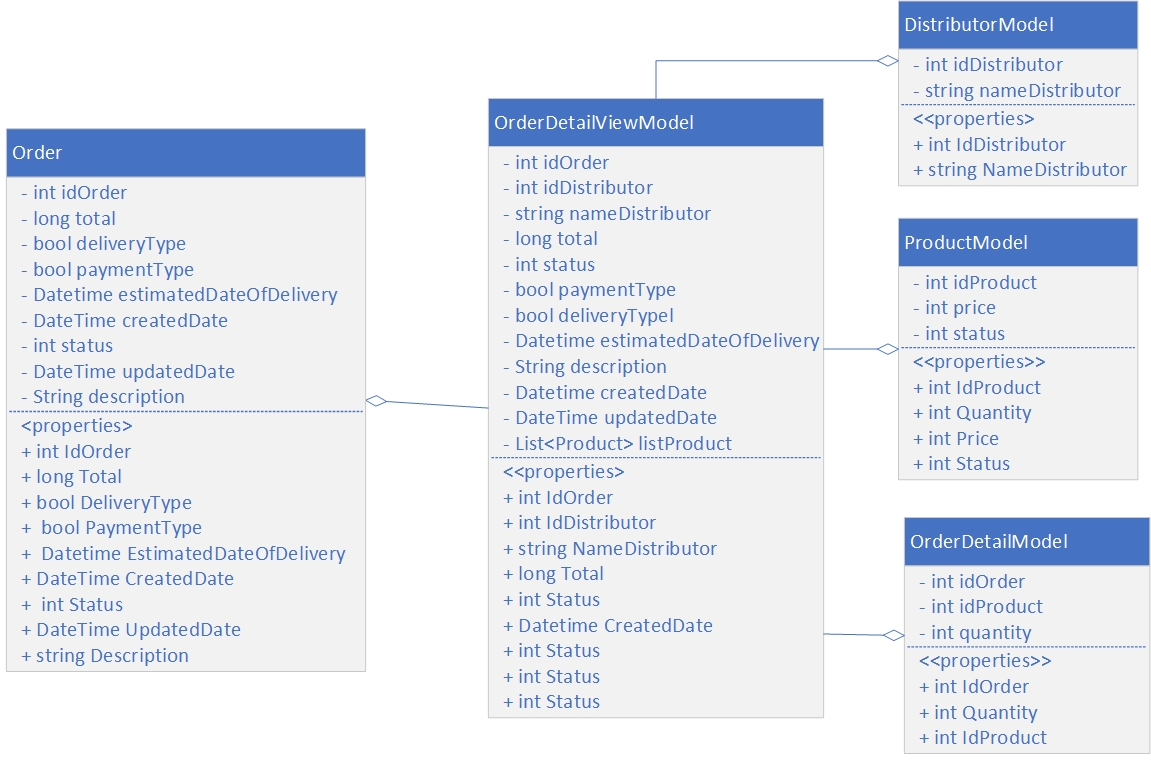
* + 1. Sơ đồ lớp View Model:



*Hình 01: OrderViewModel*



*Hình 02: CreateOrderViewModel*

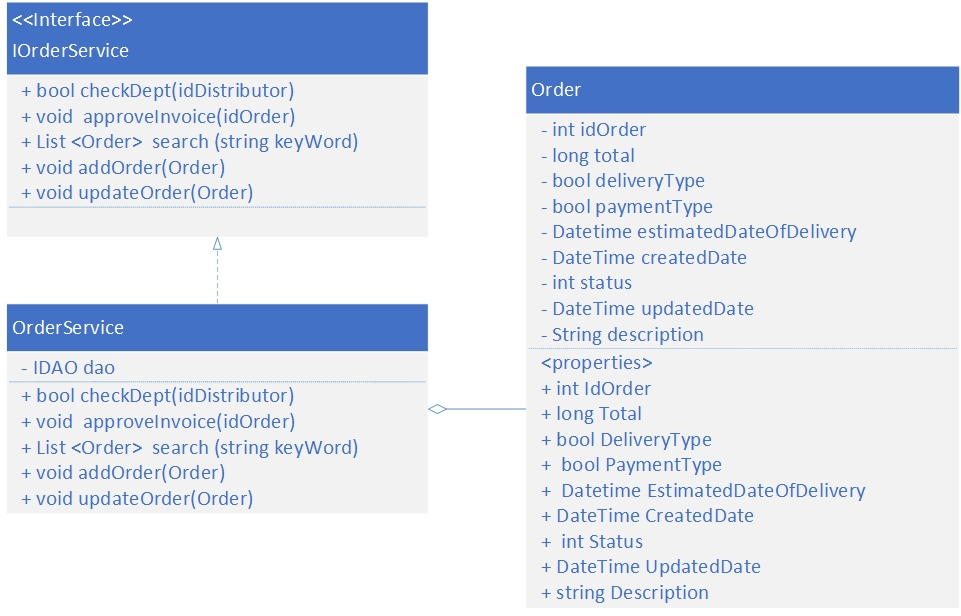


*Hình 03: OrderDetailViewModel*

* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

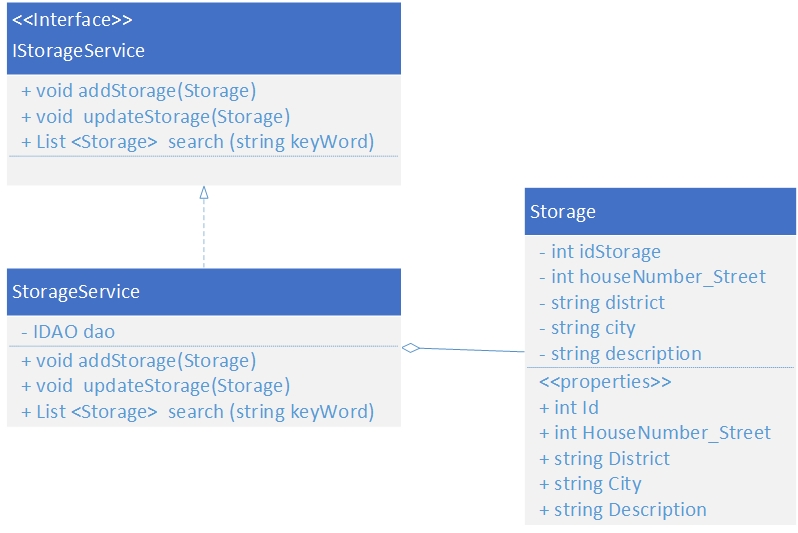
Mã số: **DCLS\_Order**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-19, CLS\_21



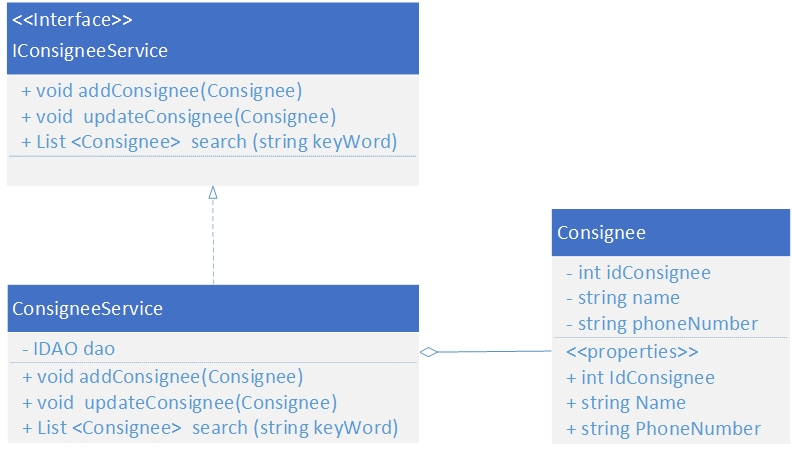
Mã số: **DCLS\_Storage**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-19, UCCN-33, CLS\_24



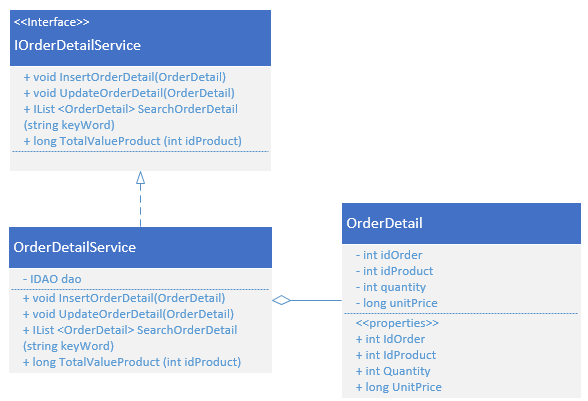
Mã số: **DCLS\_Consignee**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-19, CLS\_23



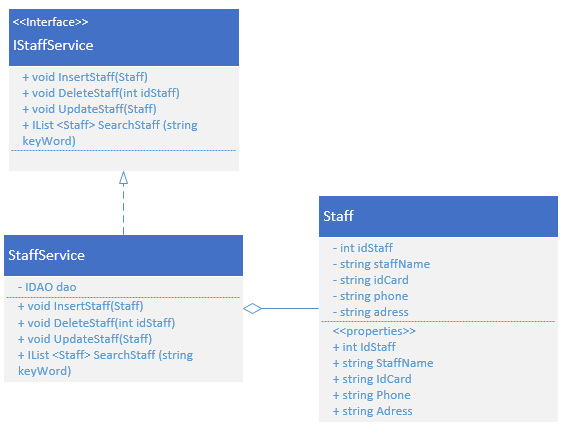
Mã số: **DCLS\_ChiTietDDH**

Tham chiếu: [FRA-01] UCCN-19, CLS\_21, CLS\_22



Mã số: **DCLS\_NhanVien**

Tham chiếu: [FRA-01] UCCN-02, UCCN-03, UCCN-04, UCCN-05, UCCN-06, UCCN-07, UCCN-08, UCCN-09, UCCN-10, UCCN-12, UCCN-13, UCCN-14, UCCN-15, UCCN-16, UCCN-17, UCCN-18, UCCN-19, UCCN-20, UCCN-21, UCCN-22, UCCN-23, UCCN-24, UCCN-25, UCCN-26, UCCN-27, UCCN-28, UCCN-29, UCCN-32, UCCN-33, UCCN-34, UCCN-35, UCCN-36, UCCN-37, UCCN-38, UCCN-39, CLS\_05

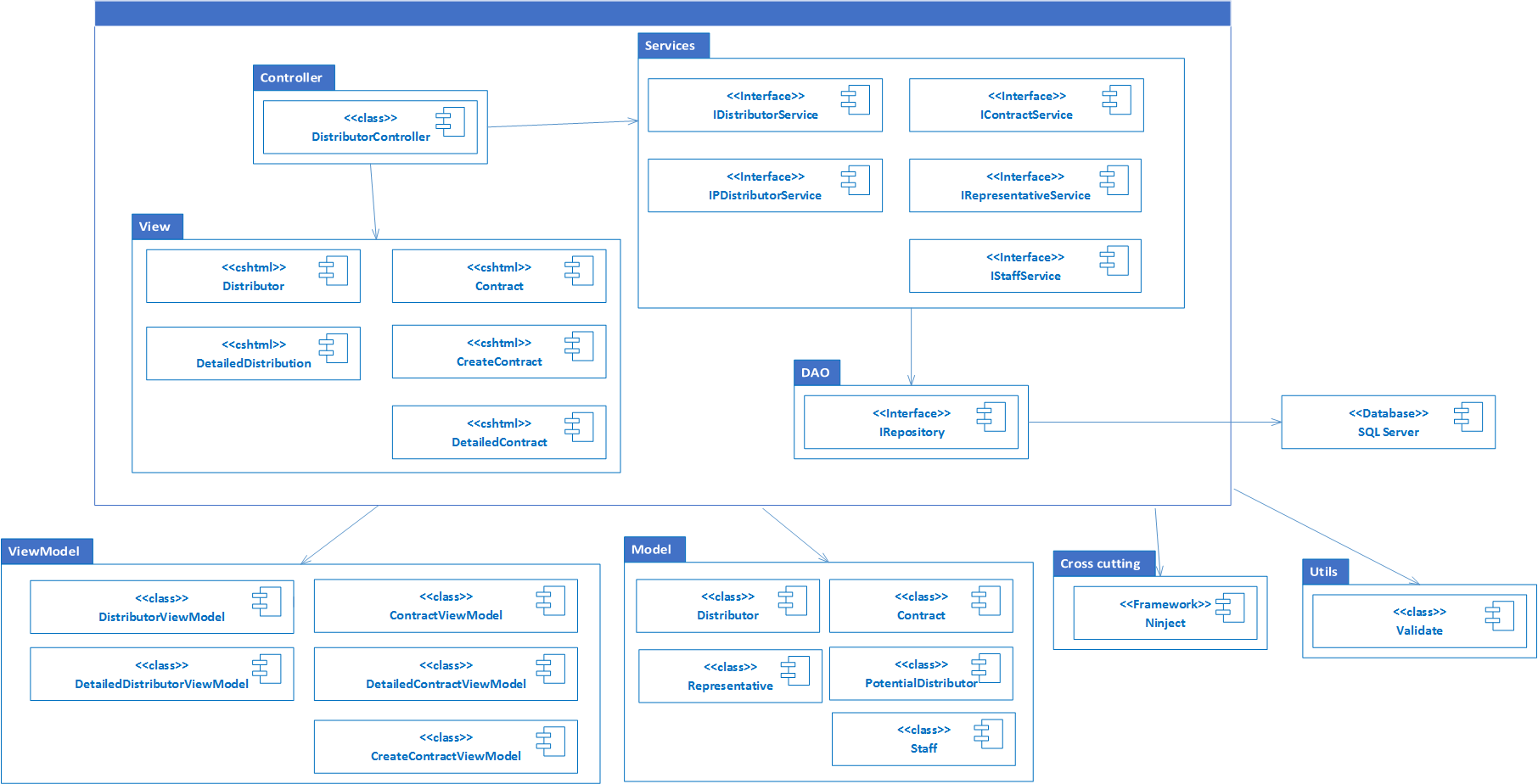


Mã số: **DCLS\_DonViTinh**

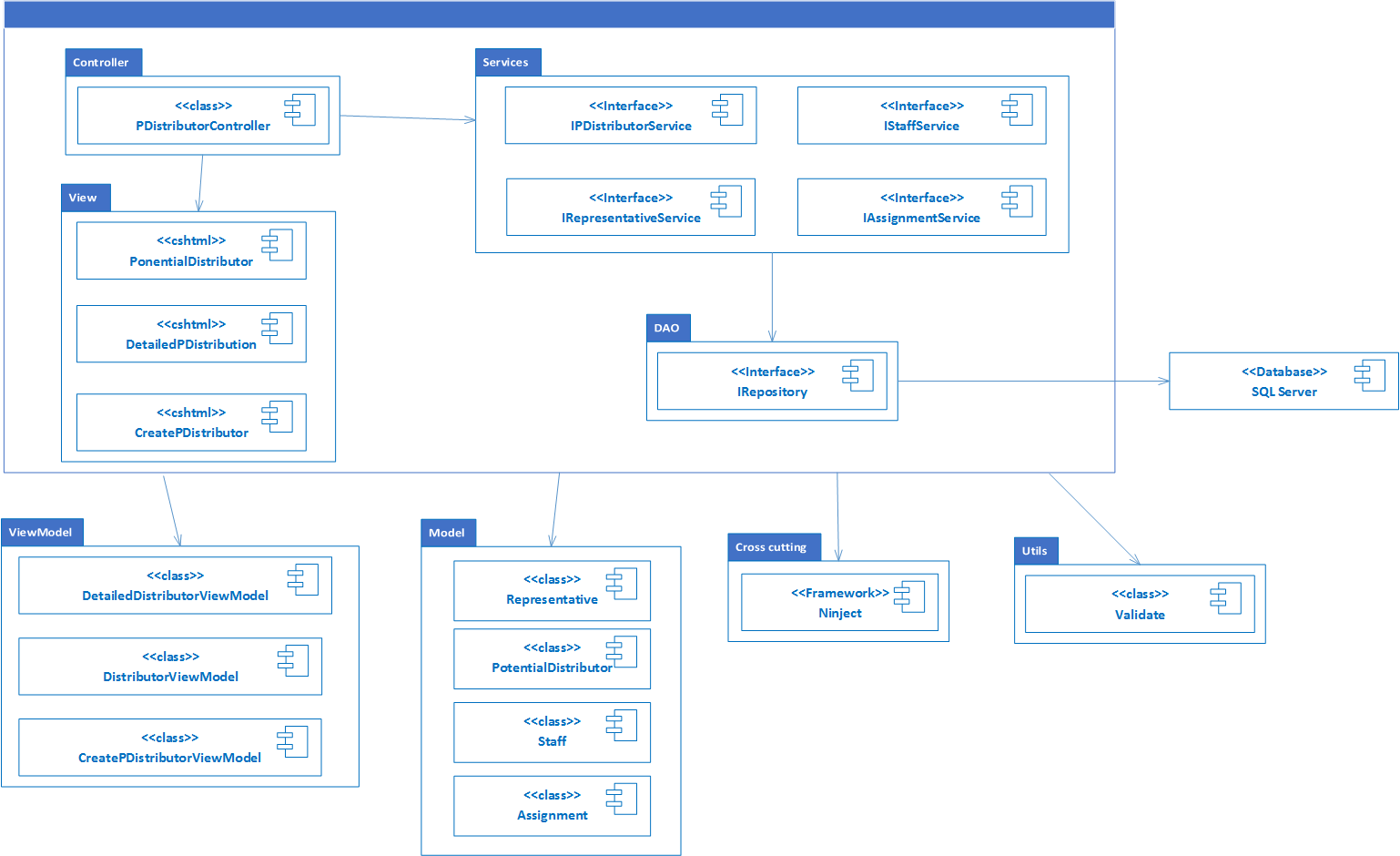
Tham chiếu: [FRA-01] UCCN-19, UCCN-10, UCCN-25, UCCN-26, CLS\_07, CLS\_14



* 1. **Quản lý nhà phân phối/đối tác**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống

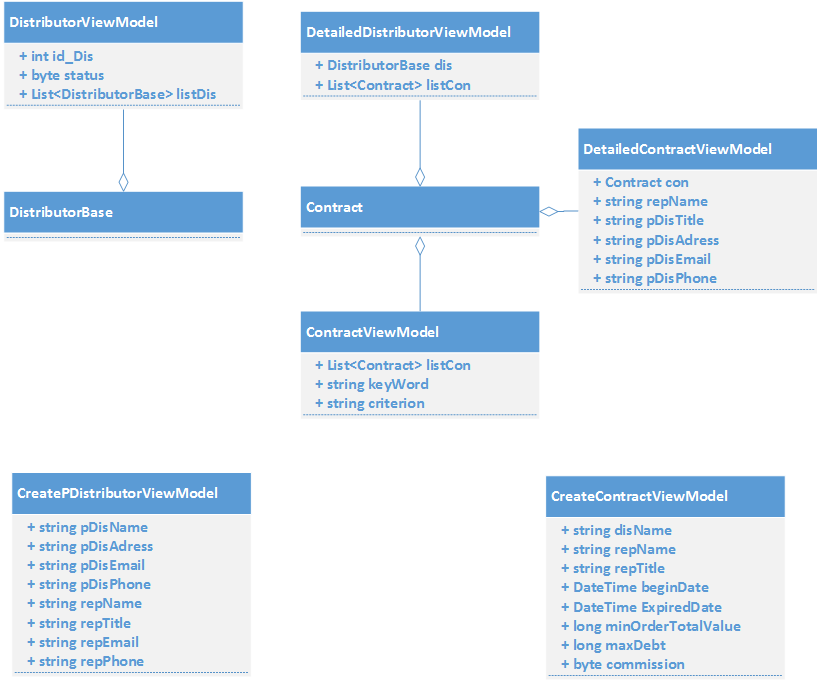


*Hình 01: Quản lý nhà phần phối*

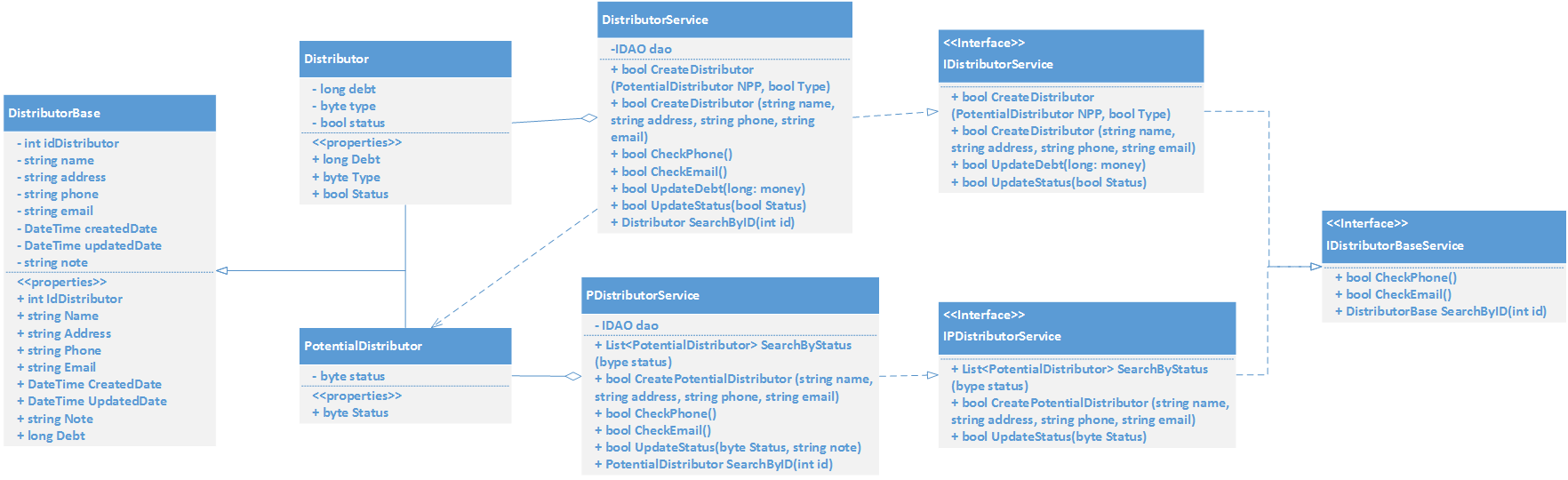


*Hình 02: Quản lý đối tác*

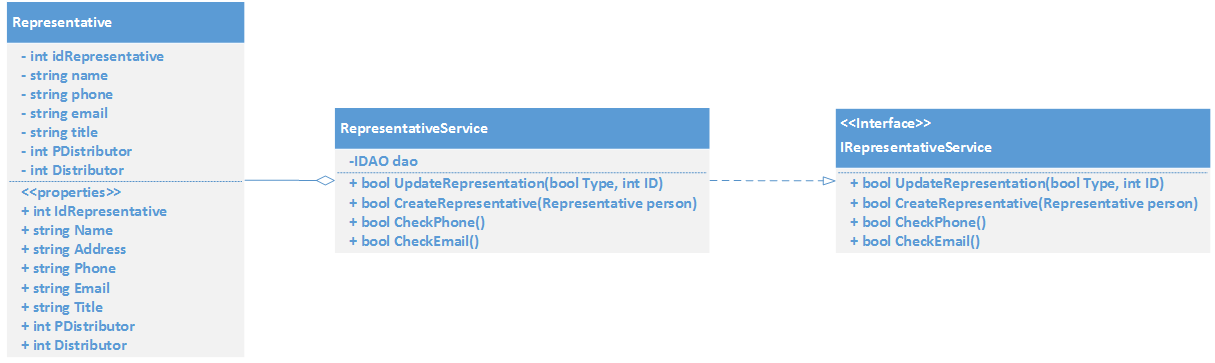
* + 1. ViewModel sử dụng trong các View



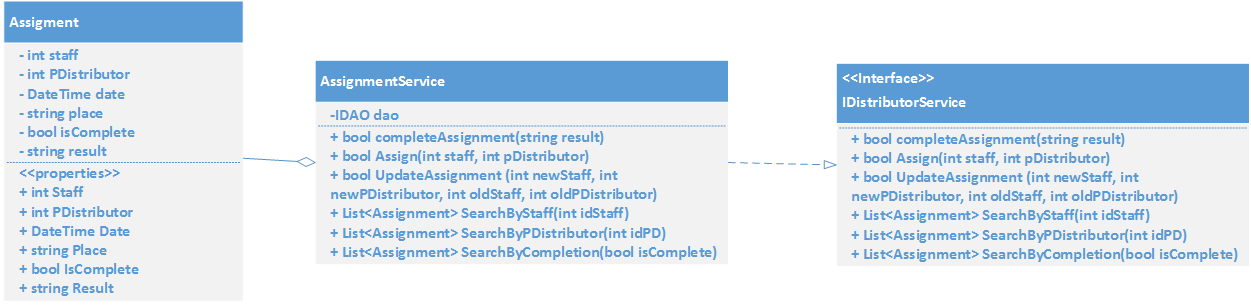
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết



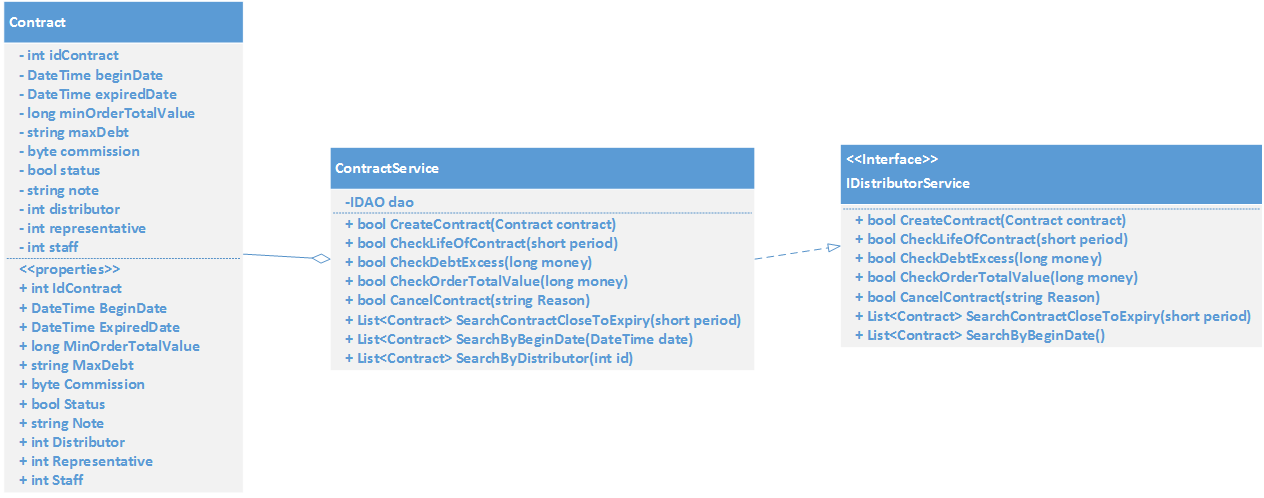
*Hình CT 01: Sơ đồ lớp chi tiết nhà phân phối/đối tác*



*Hình CT 02: Người đại diện*

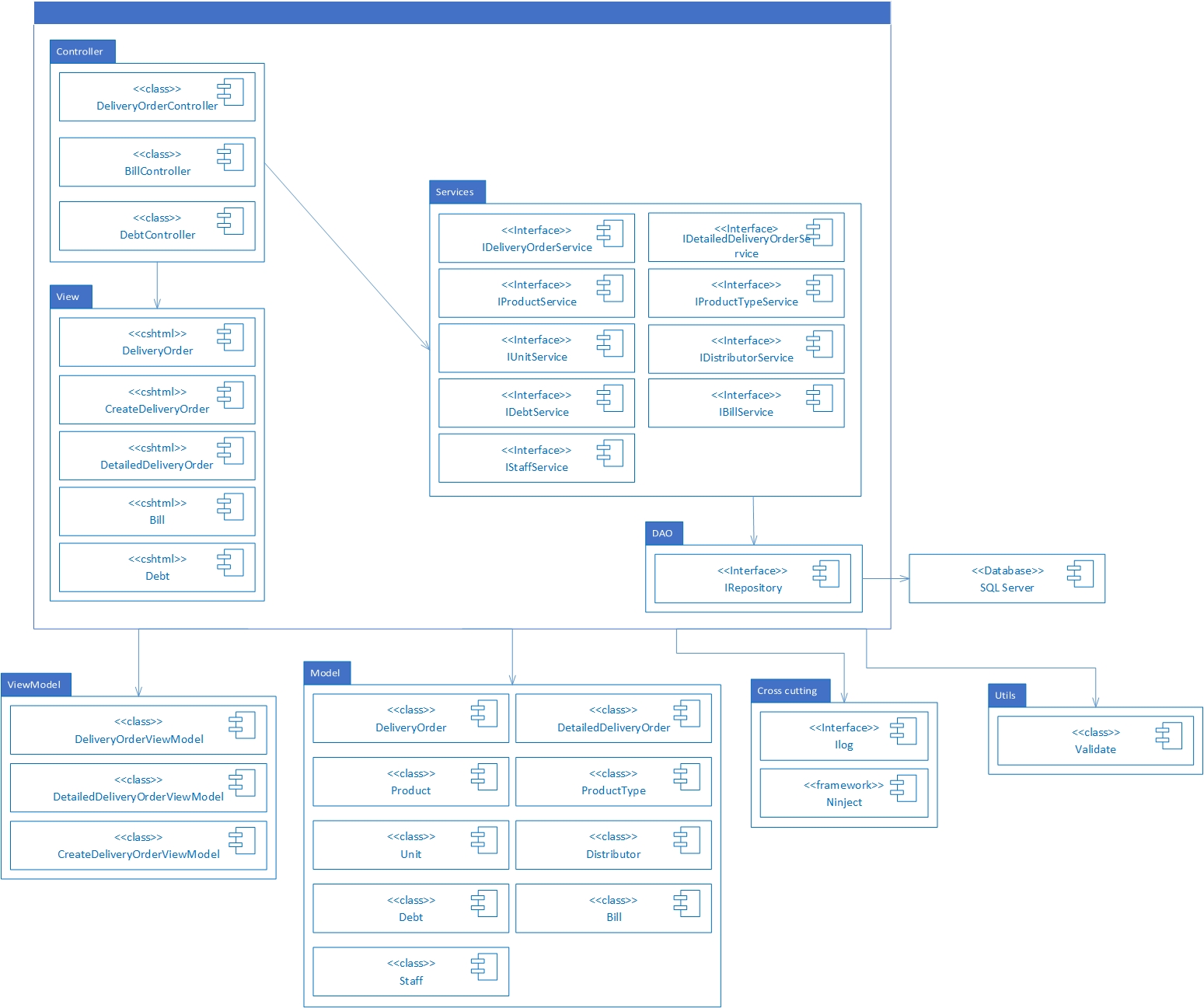


*Hình CT 03: Sơ đồ lớp chi tiết phân công trao đổi*



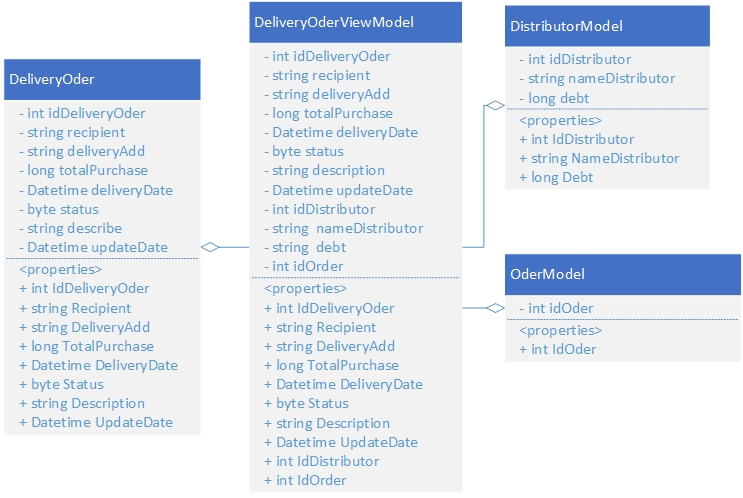
*Hình CT 04: Sơ đồ lớp chi tiết hợp đồng*

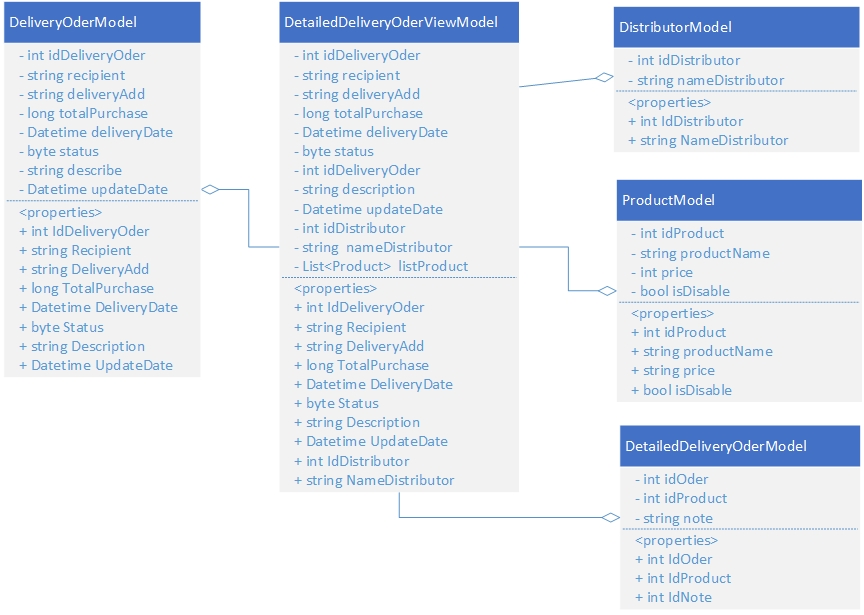
* 1. **Quản lý giao hàng**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống

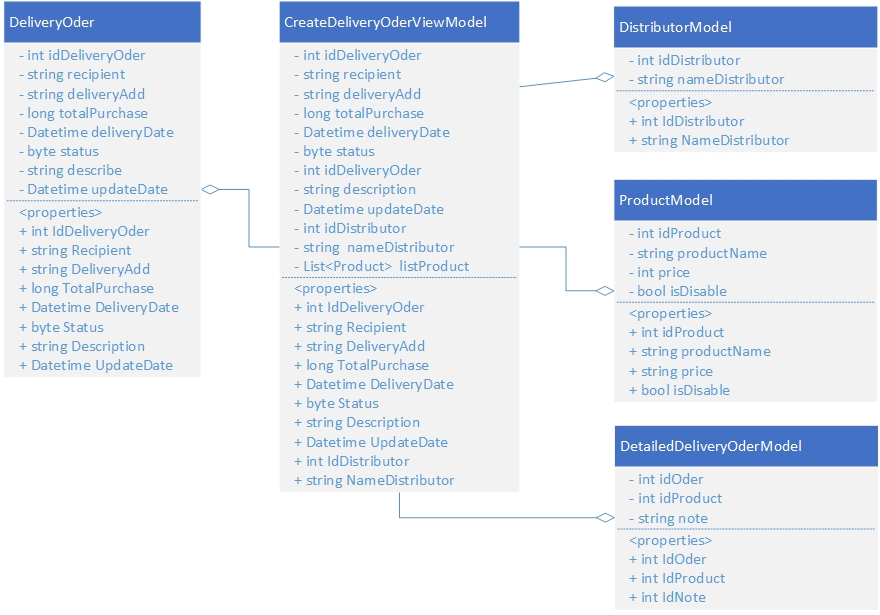


* + 1. ViewModel

DeliveryOrderViewModel

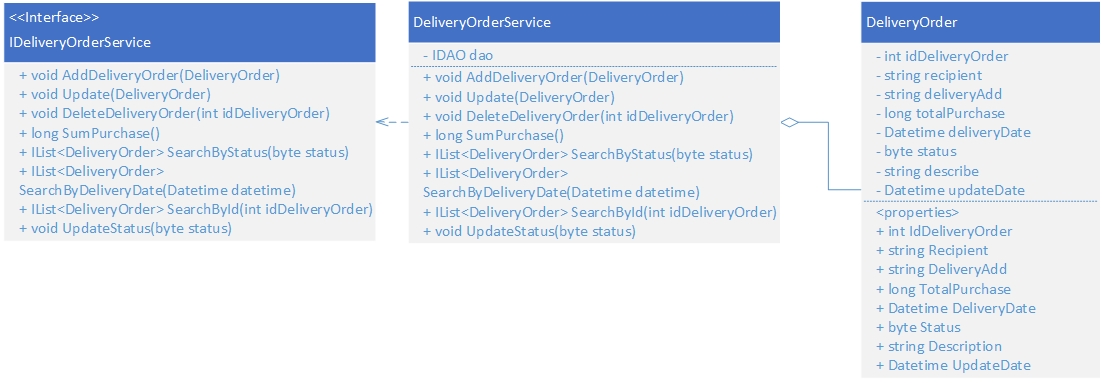


DetailedDeliveryOderViewModel

CreateDeliveryOderViewModel

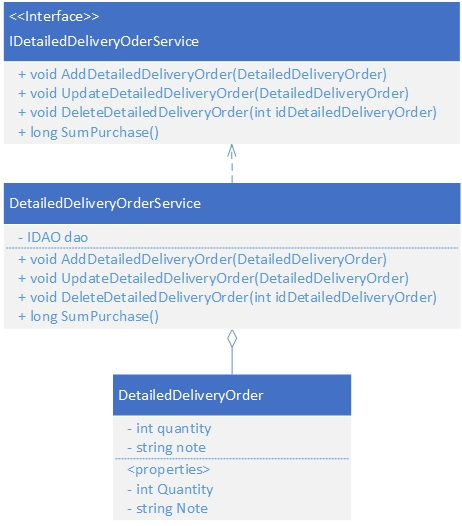
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_DeliveryOrder**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-33, UCCN-34, UCCN-35, UCCN-39, CLS\_25

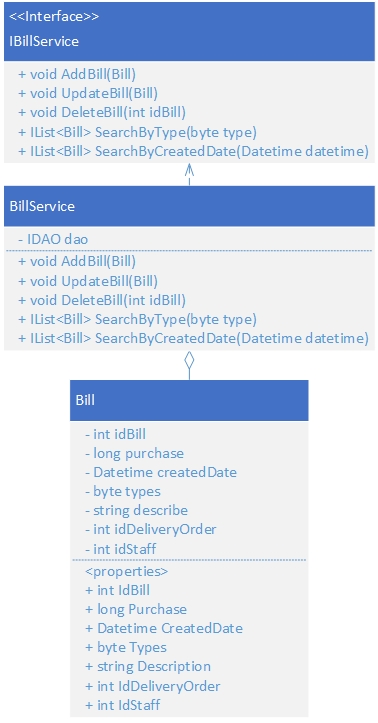
Mã số: **DCLS\_DetailedDeliveryOrder**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-33, CLS\_27



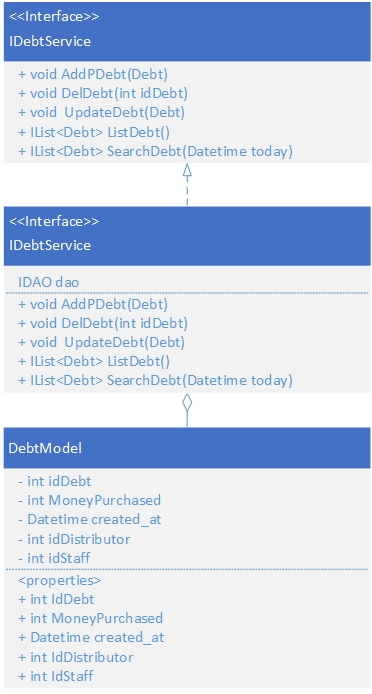
Mã số: **DCLS\_Bill**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-36, CSL\_26



Mã số: **DCLS\_Debt**

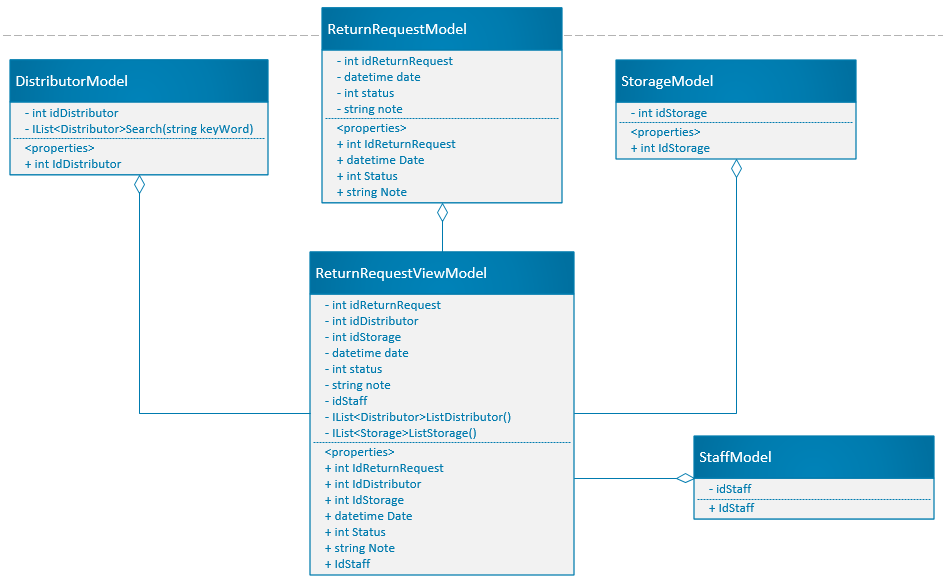
Tham chiếu: [FR-01] UCCN-37, CLS\_03



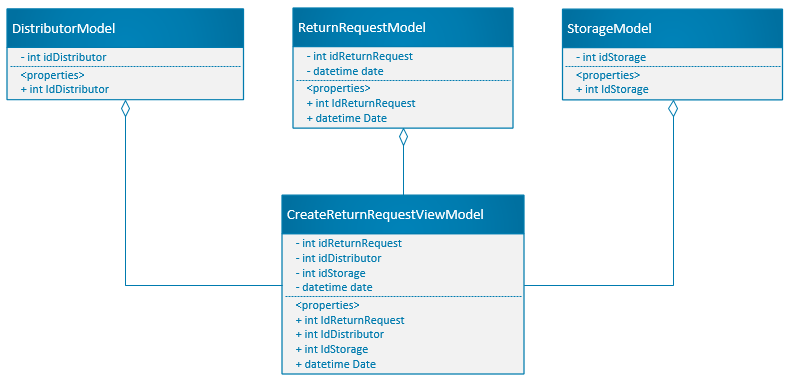
* 1. **Quản lý Đổi trả sản phẩm**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



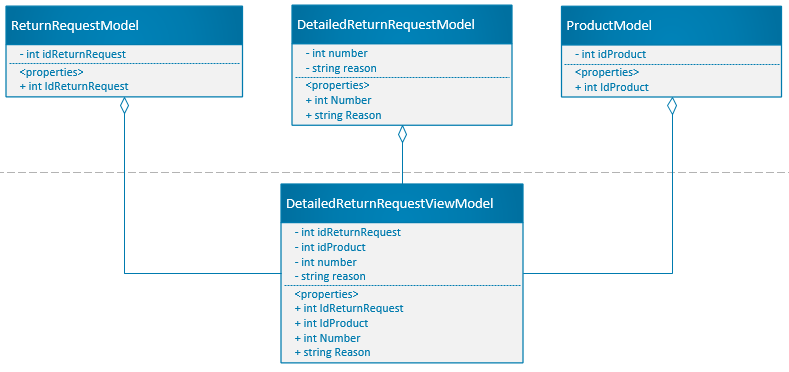
* + 1. ViewModel của view



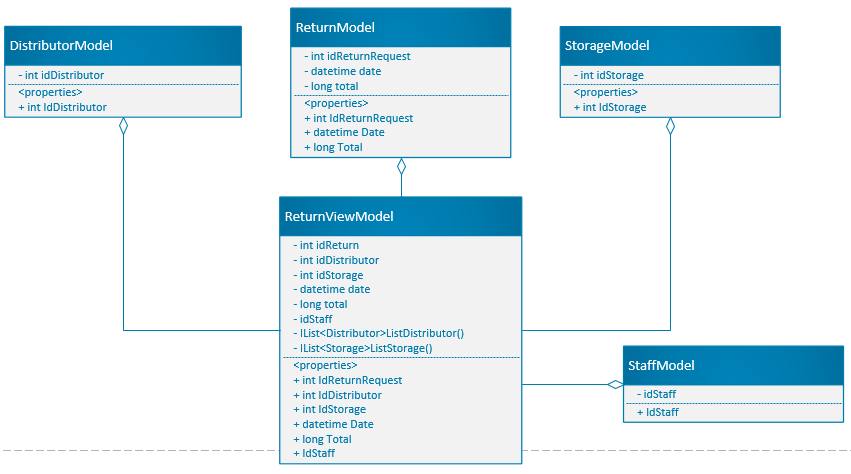
*Hình 1. ReturnRequestViewModel*



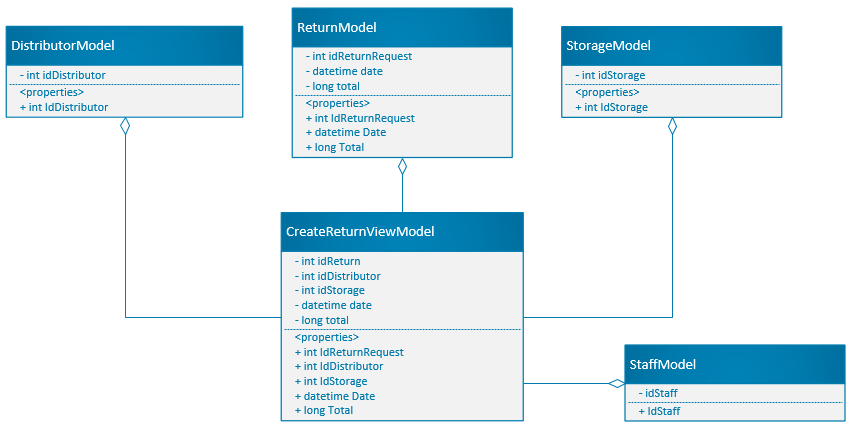
*Hình 2. CreateReturnRequestViewModel*



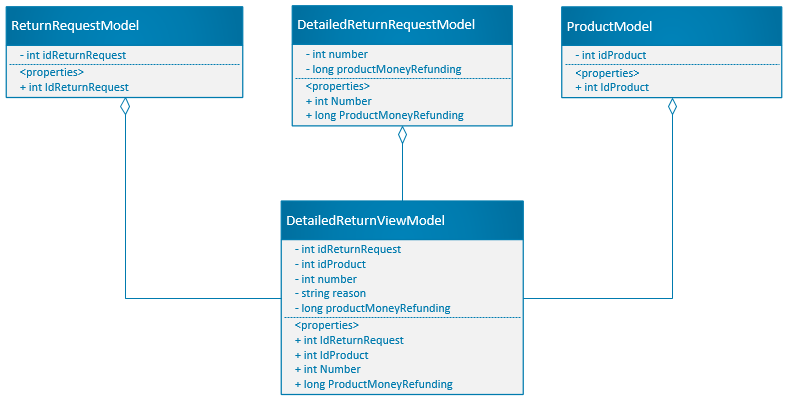
*Hình 3. DetailedReturnRequestViewModel*



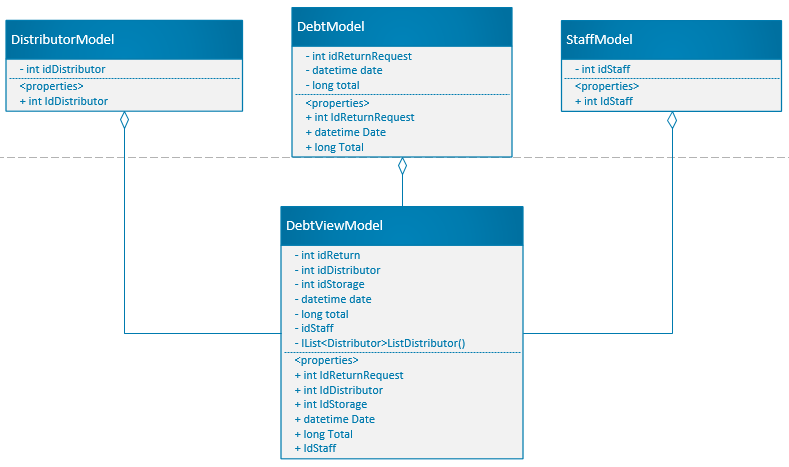
*Hình 4. ReturnViewModel*



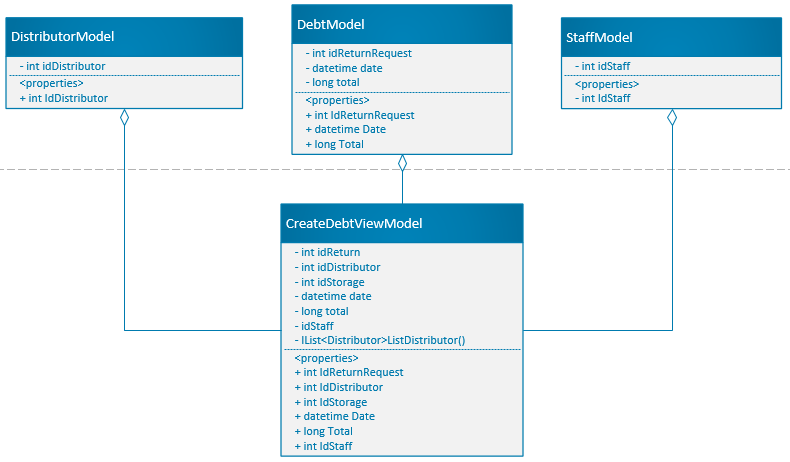
*Hình 5. CreateReturnViewModel*



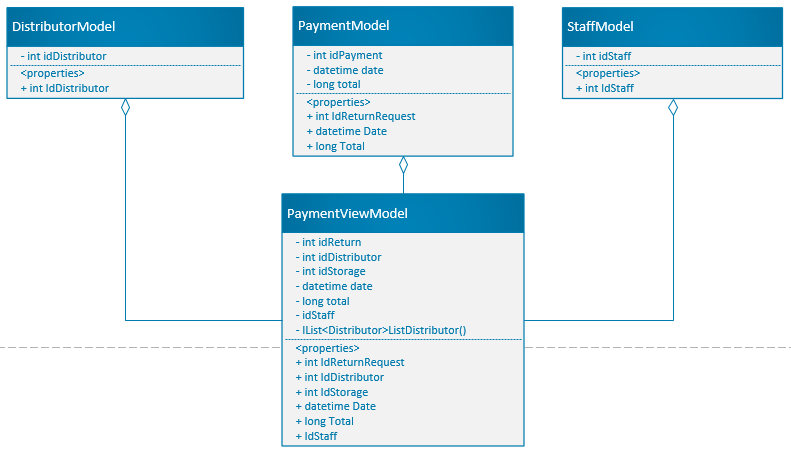
*Hình 6. DetailedReturnViewModel*



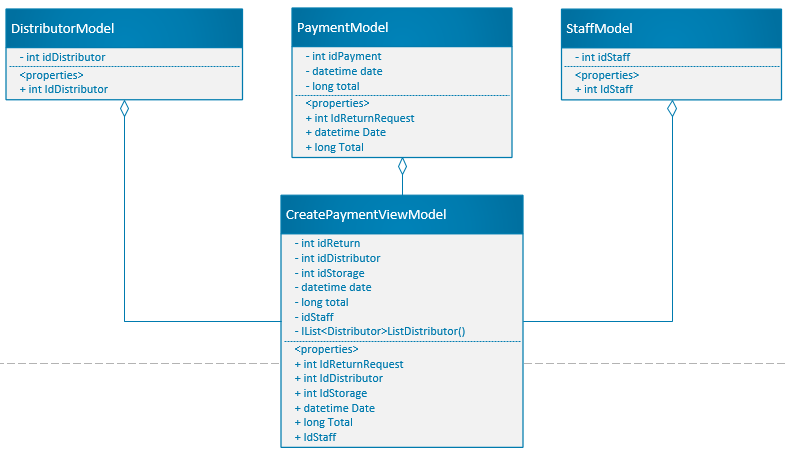
*Hình 7. DebtViewModel*



*Hình 8. CreateDebtViewModel*



*Hình 9. PaymentViewModel*

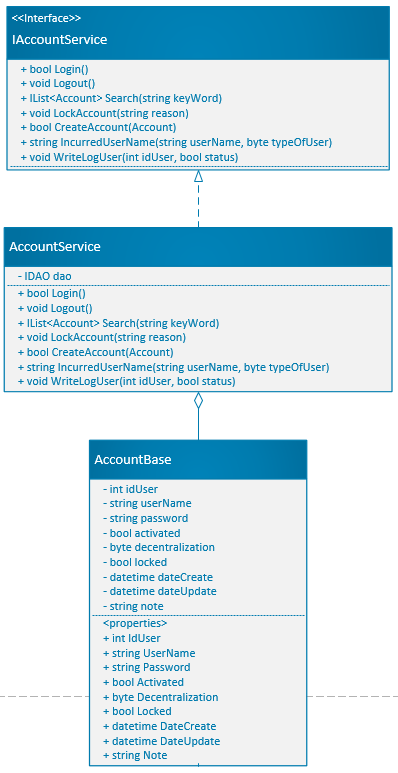


*Hình 10. CreatePaymentViewModel*

* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

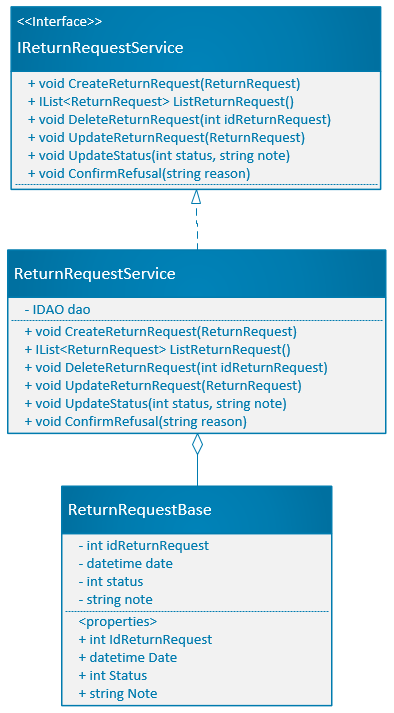
Mã số: **DCLS\_Account**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-01, UCCN-06



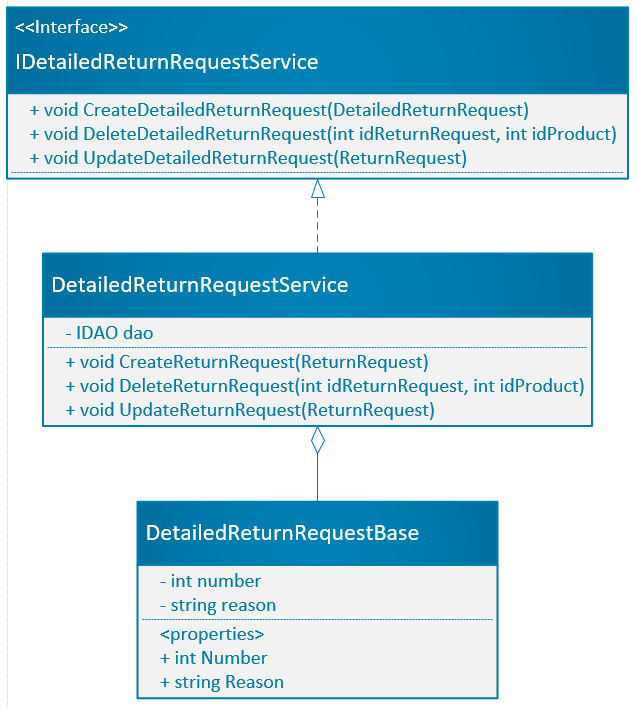
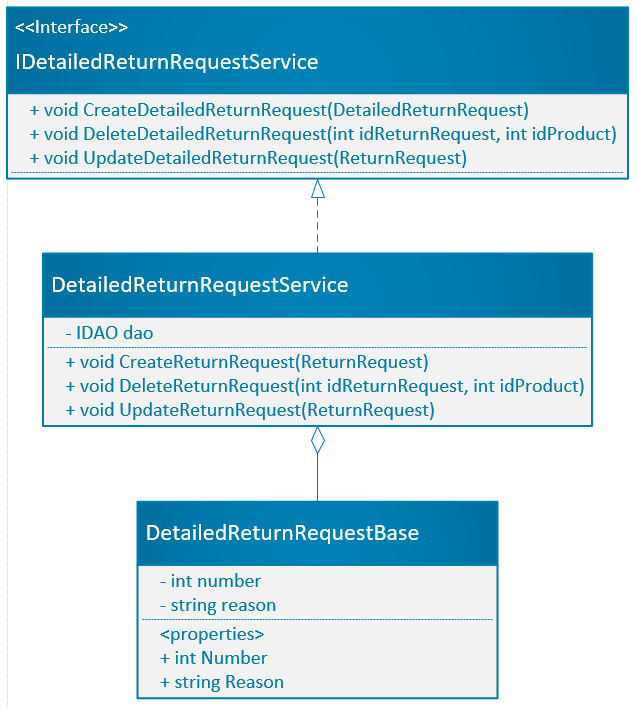
Mã số: **DCLS\_DonYCDoiTra**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-11, UCCN-12, UCCN-13, UCCN-15



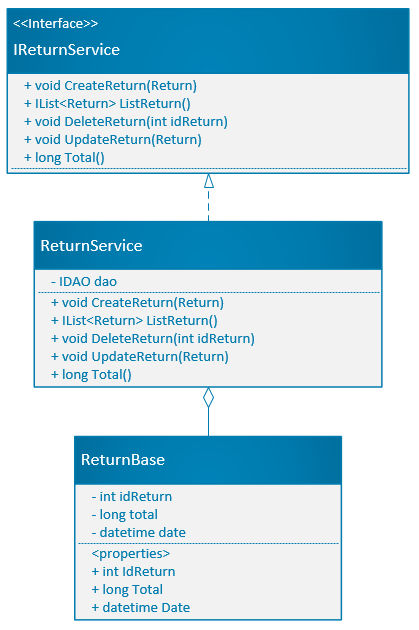
Mã số: **DCLS\_CTDonYCDoiTra**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-11, UCCN-12, UCCN-13



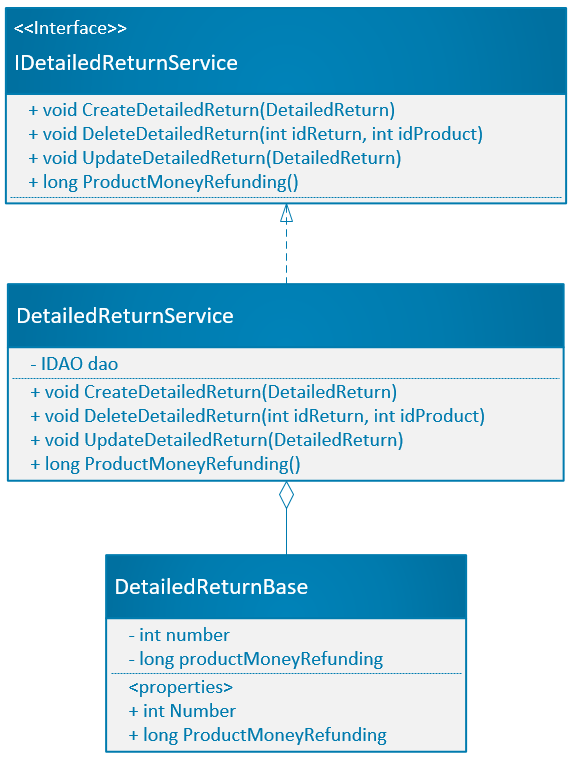
Mã số: **DCLS\_PhieuDoiTra**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-14

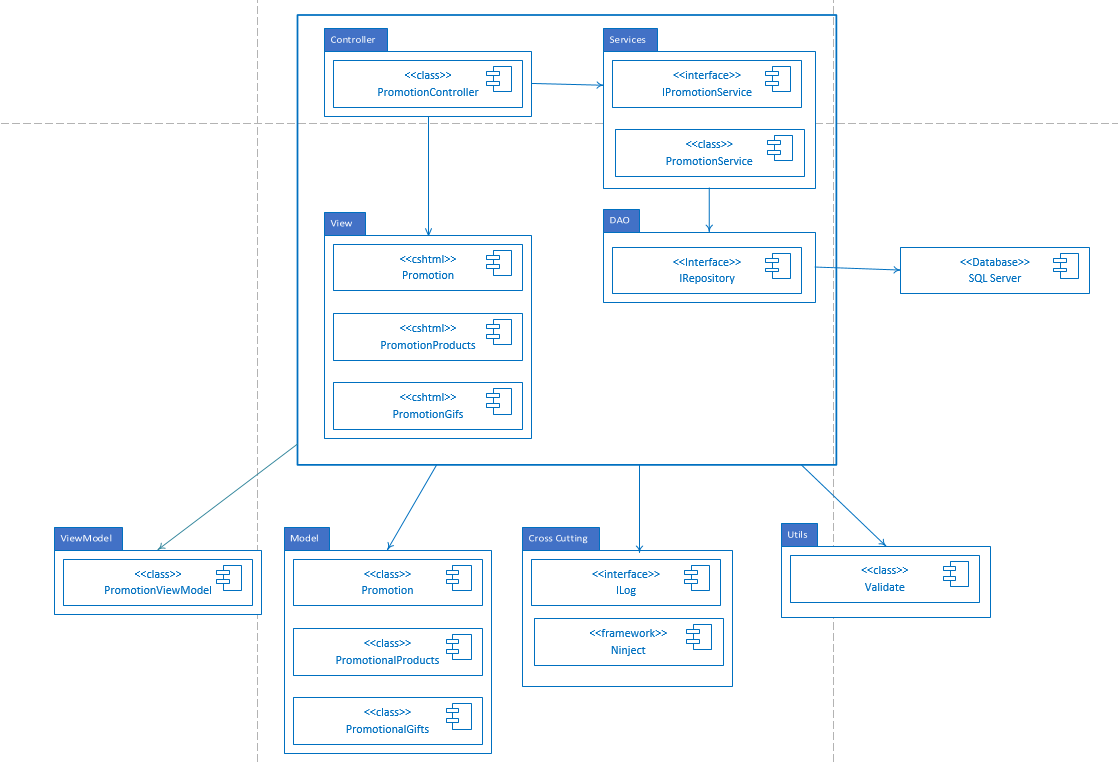


Mã số: **DCLS\_CTPhieuDoiTra**

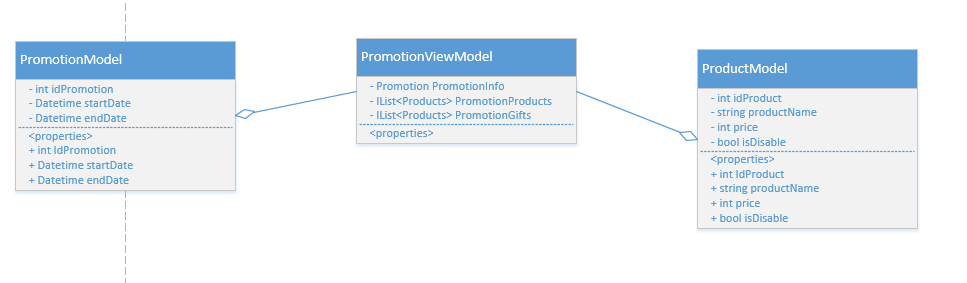
Tham chiếu: [FR-01] UCCN-14



* 1. **Quản lý khuyến mãi**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



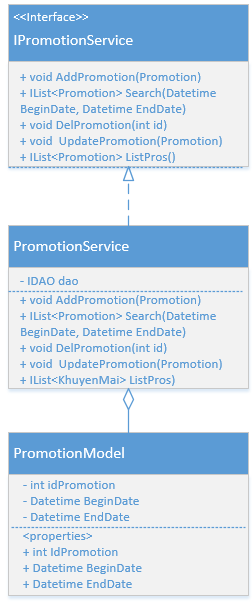
* + 1. ViewModel của View
* ViewModel chính là Model mà View đó nhận được sau khi xử lý từ Controller, có thể gồm nhiều Model con khác nhau.



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

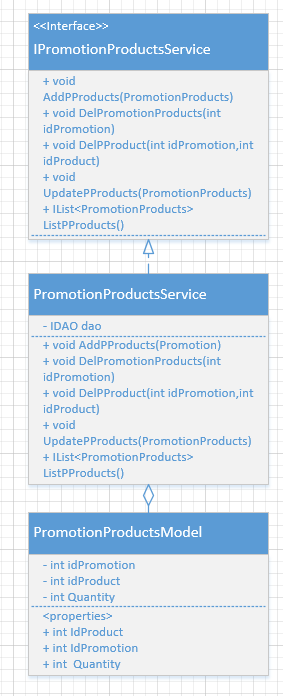
Mã số: **DCLS\_Promotion**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_18, CLS\_19, CLS\_20.



Mã số: **DCLS\_PromotionProducts**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_19.



Mã số: **DCLS\_PromotionGifts**

Tham chiếu: [FR-01] [UCCN-23] [UCCN-25] UCCN-26] [UCCN-27] [UCNV-28] [UCCN-29], CLS\_20.



* 1. **Quản lý Báo Cáo Doanh thu**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. ViewModel của View
* ViewModel chính là Model mà View đó nhận được sau khi xử lý từ Controller, có thể gồm nhiều Model con khác nhau.



*Hình 01: SalesReportViewModel*

* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_SalesReport**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-30, UCCN-31, CLS\_28 , CLS\_29 

* 1. **Quản lí Phiếu Chi**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



3.7.2 Sơ đồ chi tiết

Mã số: **DCLS\_PaySlip**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-17, CLS\_12

